

MUA – Giá mục tiêu: VND 18,100

Định giá cổ phiếu ở mức 18,100 đồng mỗi cổ phần, chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu POW với các luận điểm đầu tư chính: 1) Là đơn vị phát điện lớn thứ 3 cả nước với 4,205 MW, sản lượng điện chiếm 8% toàn hệ thống, trong giai đoạn 2022-2025 công ty tiếp tục đầu tư thêm nhà máy Nhơn Trạch 3&4 nâng công suất thêm 1.500MW; 2) Hiệu quả kinh doanh sẽ tăng lên khi sản lượng điện sản xuất tăng trong khi chi phí khấu hao, lãi vay giảm các năm tới; 3) Nhu cầu tiêu thụ điện tiếp tục tăng trưởng 8.6% trong giai đoạn 2021-2025;

Điểm nhấn đầu tư

- TOP 5 doanh nghiệp sản xuất điện lớn Việt Nam:** hiện tại POW đang sở hữu vận hành 6 nhà máy điện với tổng công suất 4,205 MW, sản lượng điện hàng năm khoảng 20-22 tỷ kwh, chiếm 8% tổng nhu cầu thị trường. Chiến lược phát triển trong những năm tới POW sẽ đầu tư thêm các dự án nhiệt điện khí NT3&4 (1,500MW), Miền Trung 1&2 (1,500MW), LNG Cà Mau, LNG Quảng Ninh.
- Hiệu quả kinh doanh sẽ tiếp tục được cải thiện khi các nhà máy điện đi vào giai đoạn giảm bớt chi phí khấu hao và nợ vay:** Các nhà máy của POW đã đi vào giai đoạn trả nợ xong vốn vay đầu tư, khấu hao giảm (CM1&2, NT1) dự kiến sẽ mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn trong những năm tới cùng với sản lượng điện gia tăng.
- Nhu cầu điện tiếp tục tăng lên trong những năm tới:** nhu cầu điện tăng chậm 3.9% trong năm 2021 do tình hình dịch Covid19 diễn biến phức tạp. Từ 2022, chúng tôi cho rằng nhu cầu điện sẽ tăng nhanh hơn lên mức 8-10% khi dịch được kiểm soát, kinh tế hồi phục và phát triển với kế hoạch tăng trưởng GDP từ 6%-6.5%. Kết thúc 5 tháng đầu năm, sản lượng điện thương phẩm toàn hệ thống đạt 95,5 tỷ kwh, tăng 5.8% so với cùng kỳ 2021.

Cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh

Sản lượng điện sản xuất 4 tháng đầu năm 2022 đạt 5,072 triệu kwh, hoàn thành 36.5% kế hoạch cả năm. Chúng tôi nhận mạnh rằng sản lượng điện kế hoạch cả năm 2022 là 13,909 triệu kwh của công ty là khá thấp. trong khi kế hoạch huy động của EVN, tổng sản lượng điện cả năm của POW là 16,694 tr kwh.

Doanh thu quý 1.2022 đạt 7,061 tỷ đồng, bằng 92% cùng kỳ 2021 và đạt 41% kế hoạch năm. Mặc dù sản lượng ở mức thấp, nhờ chào giá thị trường hợp lý và kiểm soát tốt chi phí sản xuất, lợi nhuận gộp trong kỳ đạt mức cao với 1.027 tỷ đồng, tăng 17% cùng kỳ, biên lợi nhuận gộp tăng lên 15% so với mức 12% của 2021.

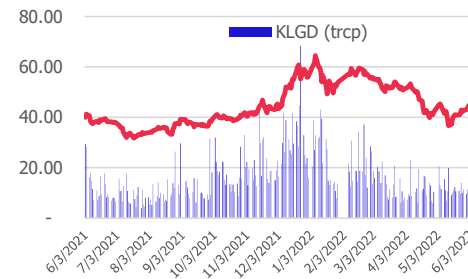
Lợi nhuận trước thuế đạt 879 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ 2021 và hoàn thành 102% kế hoạch cả năm. Trao đổi tại Đại hội cổ đông tháng 4.2022, lãnh đạo công ty chia sẻ là kế hoạch 2022 đặt ra từ thời điểm cuối năm 2021 khi có nhiều yếu tố không thuận lợi và chưa đủ thông tin (giá nhiên liệu tăng, sản lượng điện thấp...) là khá thận trọng và công ty sẽ cố gắng thực hiện đạt mức thực hiện của năm 2021.

Cho năm 2022, chúng tôi dự báo sản lượng điện của công ty sẽ đạt khoảng 16,225 triệu kwh tăng 11%, Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế dự báo đạt khoảng 30,962 tỷ đồng và 2,513 tỷ đồng, lần lượt tăng 26% và 7% so với 2021.

Định giá

Kết hợp phương pháp định giá DCF và so sánh PE, PB, giá trị cổ phiếu POW được xác định ở mức 18,100 đồng/cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu POW



	1M	3M	12M
POW	-3.9%	-21.5%	8.1%
VN-Index	4.7%	16.8%	5.9%

Giá hiện tại	3.6.2022	13,500 VND
Giá mục tiêu 12 tháng		18,100 VND
Upside (%)		33.8%
Bloomberg		POW VN
Giá trị vốn hóa		40,397 tỷ VND
Biến động giá 52 tuần (vnd)		9,930-20,150
KLGD (trcp)		16,241
KLGD (000cp/ngày)		238
Giá trị GDBQ ngày (tỷ VND)		238
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)		49.00%
Tỷ lệ SHNN hiện tại (%)		2.15%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021A	2022F	2023F	2024F	2025F
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	24,561	30,962	37,197	41,063	52,097
Tăng trưởng doanh thu	%	-17.4%	26.1%	20.1%	10.4%	26.9%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	2,540	3,394	4,450	4,504	5,717
EBIT	Tỷ đồng	2,849	2,882	3,888	3,792	4,729
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,339	2,513	3,596	3,445	3,483
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,052	2,211	3,128	2,963	2,996
Thu nhập mỗi cp-EPS	Đồng	757	794	1,176	1,095	1,099
Tăng trưởng EPS	%	-18.5%	4.8%	48.2%	-6.9%	0.3%
Cổ tức mỗi cổ phần	Đồng	-	500	500	500	500
Lợi tức cổ phần	%	0.0%	2.9%	2.9%	2.9%	2.9%
P/E	Lần	17.8	17.0	11.5	12.3	12.3
P/B	Lần	1.0	1.0	0.9	0.9	0.8
EV/EBITDA	Lần	19.4	5.9	5.5	6.9	5.3
ROE	%	6.6%	7.0%	9.2%	8.3%	8.0%
ROA	%	3.9%	4.4%	5.5%	4.2%	3.7%

Nguồn: Bloomberg, POW, TTNC MBS tổng hợp và dự báo

Doanh nghiệp sản xuất điện TOP 5 tại Việt Nam

POW xếp thứ 4 các nhà sản xuất điện lớn nhất Việt Nam, sở hữu và vận hành 6 nhà máy điện với tổng công suất là 4,205 MW, trong đó 3 nhà máy nhiệt điện khí (2,700MW), 01 nhà máy nhiệt điện than (1,200 MW) và 02 nhà máy thủy điện công suất 305 MW

Trong giai đoạn 2022-2025, POW tiếp tục đầu tư thêm 02 nhà máy nhiệt điện khí là NT3&4 với tổng công suất 1,500MW. Dự án đã lựa chọn được đơn vị tổng thầu EPC từ tháng 3.2022 và sẽ sớm thực hiện khởi công xây dựng trong thời gian tới. Dự kiến nhà máy NT3 sẽ đi vào hoạt động thương mại từ 2024, nhà máy NT4 từ 2025. Ngoài ra còn đầu tư khoảng 50MW nguồn điện năng lượng tái tạo.

Trong tháng 11.2021, POW cùng các đối tác cũng thực hiện khởi động dự án Trung tâm điện khí LNG Quảng Ninh với quy mô giai đoạn 1 dự kiến là 1,500 MW với tổng vốn đầu tư gần 2 tỷ USD. Dự án dự kiến đưa vào hoạt động trong giai đoạn 2024-2026, đáp ứng nhu cầu điện của miền Bắc.

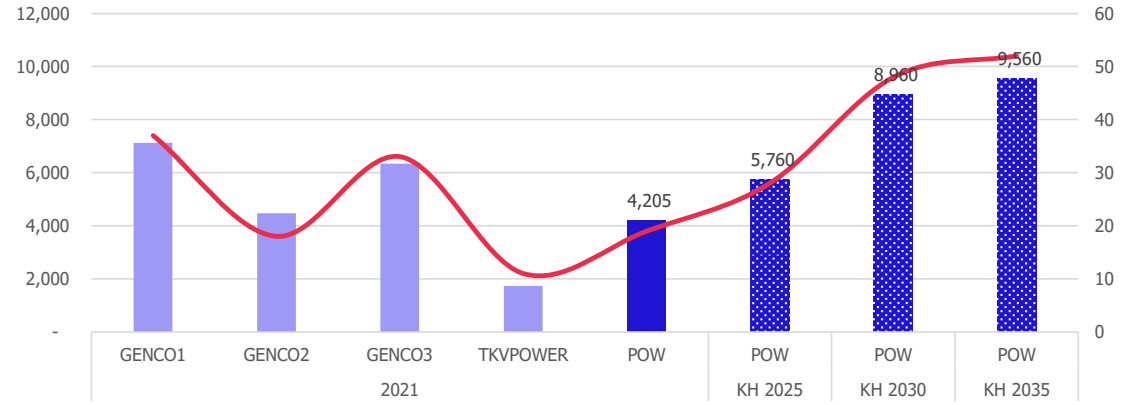
Chiến lược phát triển dài hạn dự kiến đến 2025 tổng công suất là khoảng 5,760MW, đến năm 2030 là 8,960 MW, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực điện khí.

Hiệu quả kinh doanh tốt lên khi khấu hao và nợ vay giảm

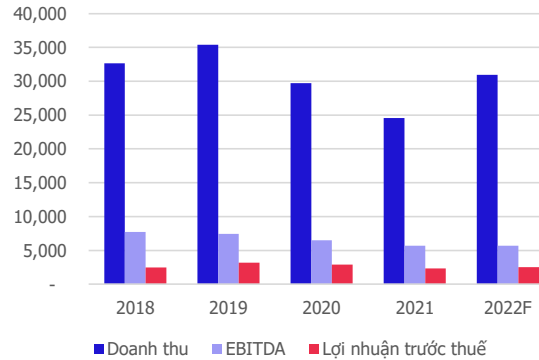
Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1&2 với công suất 1,500MW đã hoạt động 13 năm, hiện nay phần máy móc thiết bị đã được khấu hao hết, chi phí khấu hao hàng năm còn khoảng 85 tỷ đồng cho công trình xây dựng, bên cạnh đó nợ vay đầu tư cũng đã được trả toàn bộ. Trong năm 2021, Công ty đã phối hợp với EVN để chuyển đổi sang hợp đồng mua bán điện để có thể tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Như vậy với nhà máy cơ bản đã khấu hao hết thì hiệu quả kỳ vọng sẽ tăng lên.

Nhà máy điện NT1 cũng đã cơ bản hoàn thành khấu hao và trả nợ vay, với thuận lợi nằm trong khu vực nhu cầu tiêu thụ điện cao, cũng sẽ mang lại hiệu quả tốt hơn trong những năm tới.

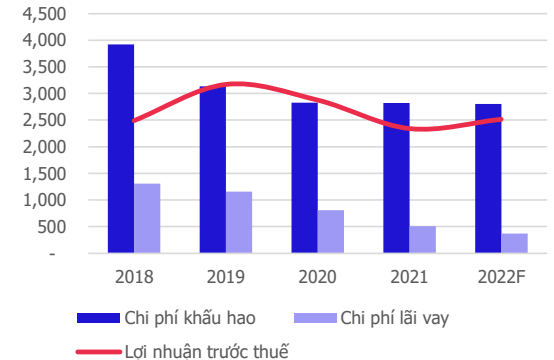
Công suất đặt của POW và một số đơn vị phát điện khác



Doanh thu và Lợi nhuận



Chi phí và lợi nhuận



Nguồn: GENCO1,2,3, TKV POWER, POW, TTNC MBS tổng hợp và dự báo

Hiệu quả kinh doanh tiếp tục tăng lên

Năm 2021, tổng doanh thu đạt 24,561 tỷ đồng, giảm 17% so sản lượng điện giảm khi cả nước thực hiện phong tỏa do làn sóng dịch Covid19 lần thứ tư bùng phát. Mặc dù vậy lợi nhuận trước thuế vẫn đạt 2,339 tỷ đồng.

Trong quý 1.2022, tổng doanh thu đạt 7,061 tỷ đồng, bằng 92% cùng kỳ 2021, doanh thu giảm do sản lượng điện trong kỳ đạt thấp. Mặc dù vậy, lãi gộp lại tăng 17% lên 1,027 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp đạt 15% so với mức 11% quý 1.2021. Lợi nhuận trước thuế đạt 879 tỷ đồng, tăng 30% so với Q1.2021, đạt 102% kế hoạch cả năm 2022.

Trong kỳ nhờ nhu cầu điện tăng, các nhà máy gia tăng sản xuất và chào giá bán điện tốt trên thị trường phát điện cạnh tranh đã mang lại hiệu quả kinh doanh tốt. Bên cạnh đó, 2 nhà máy thủy điện có sản lượng điện tốt nhờ nguồn nước về hồ khả quan đã mang lại hiệu quả kinh doanh tốt cho toàn công ty. (sản lượng điện đạt 140%-147% kế hoạch và tăng 14%-16% so với cùng kỳ, giá bán điện đạt 1.320,53 đồng đối với nhà máy Hòa Na và 1,164.86 đồng/kwh đối với nhà máy Dakdrinh).

Trong năm 2022, Công ty cũng sẽ thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư tại các doanh nghiệp điện mà tỉ lệ sở hữu ở mức thấp (CTCP điện Việt Lào, CTCP EVN Quốc tế) để tập trung nguồn vốn cho các dự án lớn công ty thực hiện.

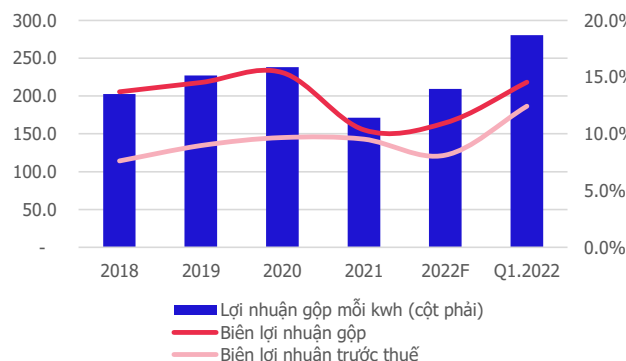
Cho năm 2022, cùng với nhu cầu điện tăng trở lại, chúng tôi dự báo sản lượng điện của công ty sẽ tăng khoảng 11% lên mức 16,225 triệu kwh, trong đó riêng sản lượng điện của nhà máy Vũng Áng 1 là 4,000 triệu kwh khi tính đến sự cố kỹ thuật của tổ máy số 1 chỉ được khắc phục và vận hành lại trong 3 tháng cuối năm 2022. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế dự báo lần lượt đạt 30,962 tỷ đồng và 2,513 tỷ đồng, tăng lần lượt 26% và 7% so với 2021.

Tình hình tài chính lành mạnh

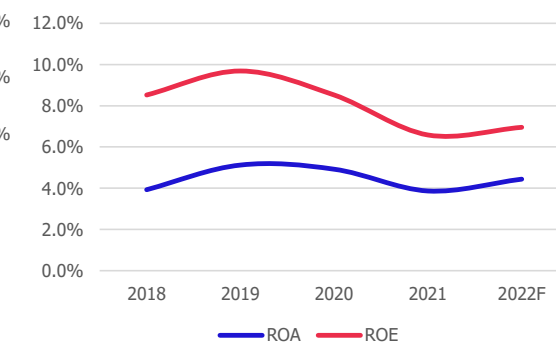
Tình hình tài chính lành mạnh: Tổng tài sản đến cuối Q1.2022 đạt 54,898 tỷ đồng, trong đó Tiền tương đương tiền và đầu tư tài chính (tiền gửi) đạt 7,613 tỷ đồng (14% Tổng tài sản). Nợ phải trả đạt 23,150 tỷ đồng (42% Tổng nguồn vốn), trong đó vay nợ ngắn và dài hạn là 8,039 tỷ đồng (15% Tổng nguồn vốn), đây là tỷ lệ vay nợ rất an toàn đối với doanh nghiệp phát điện lớn.

Dòng tiền thuần hoạt động kinh doanh hàng năm luôn dương lớn nhờ quản trị tốt hoạt động kinh doanh, khấu hao lớn đảm bảo chất lượng lợi nhuận hàng năm, mặt khác giúp công ty thực hiện trả nợ vay đúng hạn và số dư tiền, tương đương tiền luôn lớn.

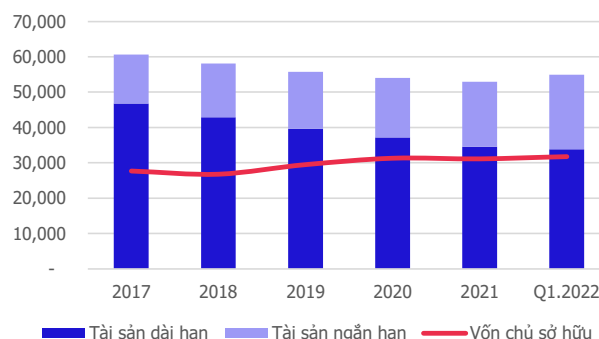
Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh



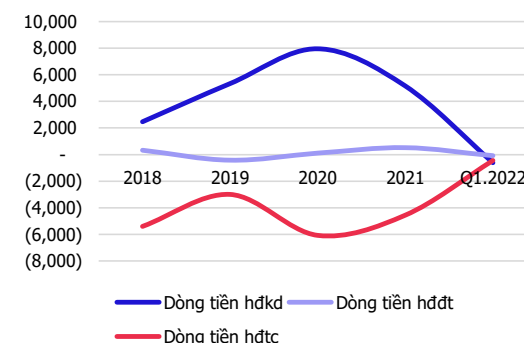
Hiệu quả kinh doanh



Cơ cấu Tài sản- Nguồn vốn



Lưu chuyển dòng tiền

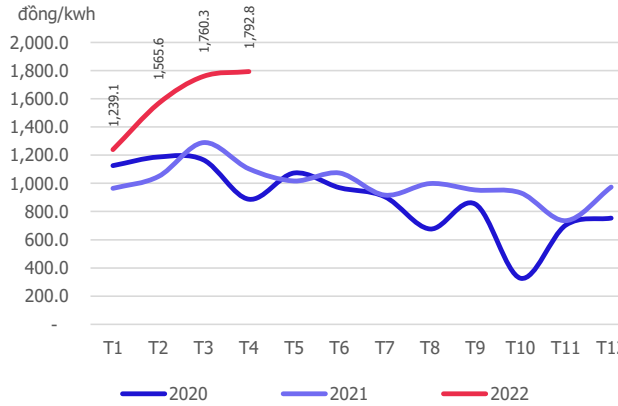


Nguồn: POW, TTNC MBS tổng hợp và dự báo

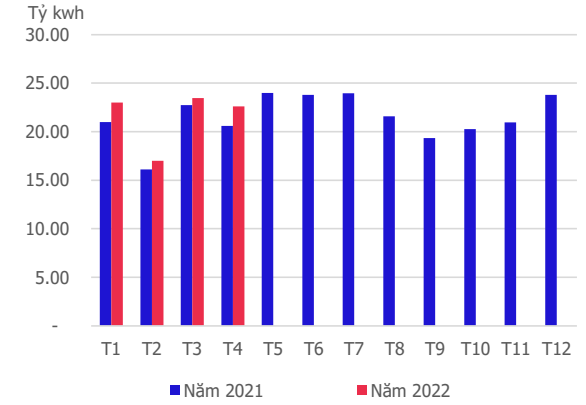
Nhu cầu điện tiếp tục tăng lên trong trung và dài hạn

- **Nhu cầu điện tiếp tục tăng lên trong những năm tới:** nhu cầu điện tăng chậm 3.9% trong năm 2021 do tình hình dịch Covid19 diễn biến phức tạp. Từ 2022, chúng tôi cho rằng nhu cầu điện sẽ tăng nhanh hơn lên mức 8-10% khi dịch được kiểm soát, kinh tế hồi phục và phát triển với kế hoạch tăng trưởng GDP từ 6%-6.5%.
- **Giai đoạn 2021 - 2025, EVN dự báo 2 kịch bản nhu cầu phụ tải điện:** Phương án cơ sở, tăng trưởng nhu cầu điện khoảng 8,6%/năm và Phương án cao (với kịch bản kinh tế phục hồi mạnh sau COVID-19, đồng thời có xem xét đến khả năng có làn sóng dịch chuyển đầu tư của các doanh nghiệp FDI vào Việt Nam) tăng trưởng 9,4%/năm. Theo EVN, với hai kịch bản tăng trưởng này, hệ thống đảm bảo sẽ bảo đảm cung ứng đủ điện trong toàn bộ giai đoạn 2021 – 2025
- **Tăng trưởng kép 8.6% giai đoạn 2020-2025 và 8.4% giai đoạn 2025-2030:** Theo Quy hoạch điện VIII đang được xây dựng, dự kiến đến 2025 công suất nguồn và sản lượng điện lần lượt là 106.5 GW và 341Twh, đến 2030 là 146GW và 511 Twh, lần lượt tăng trưởng kép CAGR là 8.6% và 8.4% từng giai đoạn.

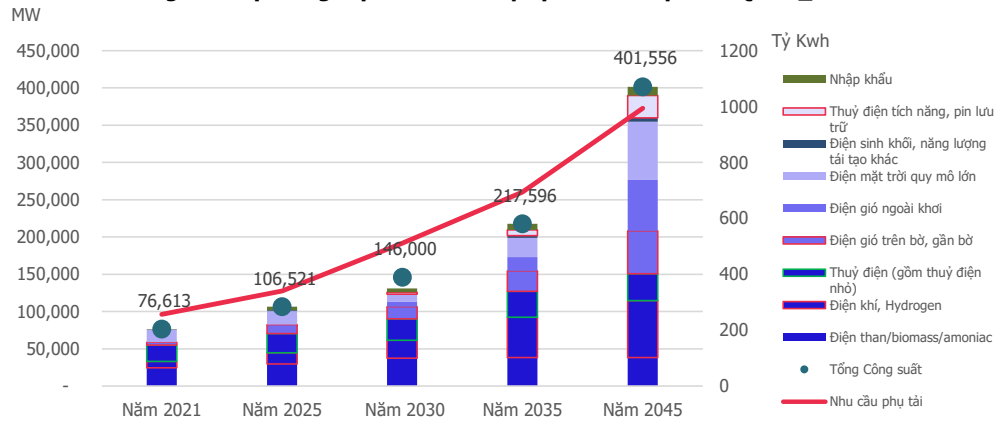
Giá Toàn phần thị trường điện bình quân các năm



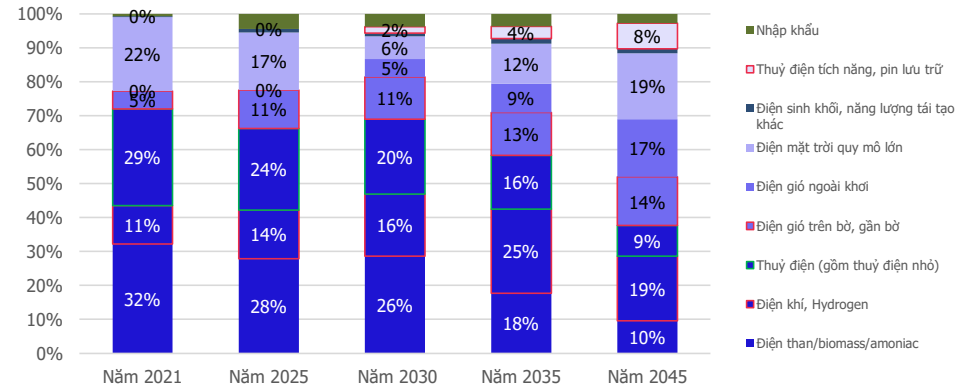
Sản lượng điện sản xuất theo tháng



Công suất hệ thống điện và nhu cầu phụ tải theo Dự thảo QHĐ8_4.2022



Cơ cấu Công suất hệ thống điện theo Dự thảo QHĐ8_4.2022



Nguồn: MOIT, EVN, TTNC MBS tổng hợp

Dự phóng kết quả kinh doanh và Định giá

- Năm 2022, Tổng công ty PVPower đặt mục tiêu sản lượng điện cả năm đạt 13,909 triệu KWh. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2022 lần lượt là 24,242 tỷ đồng và 743 tỷ đồng, giảm tương ứng 3,4% và 61% so với ước tính năm 2021. Đây là kế hoạch kinh doanh khả thực trọng đã được lãnh đạo công ty chia sẻ tại Đại hội đồng cổ đông trong tháng 4.2022 vừa qua.
- Chúng tôi dự báo, cùng với nhu cầu điện tăng trở lại, sản lượng điện của Công ty sẽ tăng khoảng 11% lên mức 16,225 triệu kwh. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 30,962 tỷ đồng và 2,513 tỷ đồng, tăng lần lượt 26% và 7% so với 2021.**

Định giá cổ phiếu

Kết hợp các Phương pháp định giá DCF, FCFE, so sánh PE, PB, giá trị cổ phiếu được xác định ở mức 18.100 đồng.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	2022F	2023F	2024F	2025F	2026F
Sản lượng điện	Triệu kwh	14,702	16,225	19,645	20,695	25,462	28,912
Tăng trưởng	%	-23.3%	10.4%	21.1%	5.3%	23.0%	13.5%
Doanh thu	Tỷ đồng	24,561	30,962	37,197	41,063	52,097	60,262
Tăng trưởng doanh thu	%	-17.4%	26.1%	20.1%	10.4%	26.9%	15.7%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	-22,021	-27,567	-32,748	-36,559	-46,380	-53,048
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	2,540	3,394	4,450	4,504	5,717	7,215
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	690	345	366	329	329	329
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	-653	-430	-333	-366	-1,261	-1,264
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	-9	-11	-14	-15	-19	-22
Chi phí quản lý dn	Tỷ đồng	-131	-805	-893	-1,027	-1,302	-1,386
Lợi nhuận hđ kinh doanh	Tỷ đồng	2,459	2,528	3,611	3,460	3,498	4,906
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,339	2,513	3,596	3,445	3,483	4,891
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,052	2,211	3,128	2,963	2,996	4,206
Lợi nhuận cơ công ty mẹ	Tỷ đồng	1,798	1,909	2,805	2,615	2,623	3,829
Thu nhập mỗi cổ phần	Đồng/cp	757	794	1,176	1,095	1,099	1,614

Kết quả định giá	Giá trị (vnd/cp)
- DCF_FCFE	26,036
- PB	16,277
- PE	12,004
Giá trị trung bình	18,106

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Chi phí vốn bình quân WACC	%	10.82%
Tăng trưởng dòng tiền sau năm 2026	%	1.00%
Hiện giá dòng tiền thuần giai đoạn 2021-2027	tỷ đồng	4,017
Hiện giá dòng tiền sau năm 2027	tỷ đồng	58,756
Tiền và tương đương tiền	tỷ đồng	4,512
Giá trị Công ty	tỷ đồng	67,286
Nợ vay cuối kỳ	Tỷ đồng	6,311
Giá trị vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	60,975
Số lượng cổ phần	triệu cp	2,341.87
Giá trị mỗi cổ phần	đồng	26,036

Nguồn: POW, TTNC MBS tổng hợp và dự báo

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP (HSX: POW)



Kết quả kinh doanh	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Doanh thu	24,561	30,962	37,197	41,063	52,097
Giá vốn hàng bán	-22,021	-27,567	-32,748	-36,559	-46,380
Lợi nhuận gộp	2,540	3,394	4,450	4,504	5,717
Doanh thu tài chính	690	345	366	329	329
Chi phí tài chính	-653	-430	-333	-366	-1,261
Chi phí bán hàng	-9	-11	-14	-15	-19
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-131	-805	-893	-1,027	-1,302
Lợi nhuận kinh doanh thuần	2,459	2,528	3,611	3,460	3,498
Lợi nhuận trước thuế	2,339	2,513	3,596	3,445	3,483
Lợi nhuận sau thuế	2,052	2,211	3,128	2,963	2,996
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	1,798	1,909	2,805	2,615	2,623
Lợi nhuận cổ đông thiểu số	254	302	324	347	373

Tài sản- Nguồn vốn	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Tài sản ngắn hạn	18,420	15,239	15,788	17,939	23,983
Tài sản dài hạn	34,557	34,572	40,767	53,287	56,107
Tổng tài sản	52,977	49,811	56,555	71,226	80,090
Nợ phải trả	21,851	18,044	22,733	35,509	42,436
I. Nợ phải trả ngắn hạn	16,811	16,411	18,335	17,974	20,288
II. Nợ phải trả dài hạn	5,040	1,633	4,398	17,536	22,148
Vốn chủ sở hữu	31,126	31,767	33,821	35,717	37,654
Tổng nguồn vốn	52,977	49,811	56,555	71,226	80,090

Lưu chuyển dòng tiền	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Dòng tiền thuần hđ kinh doanh	5,147	4,303	6,433	6,374	7,846
Dòng tiền thuần hđ đầu tư	563	-2,857	-8,903	-15,496	-6,888
Dòng tiền thuần hđ tài chính	-4,555	-5,158	829	9,967	1,442
Tiền tương đương tiền cuối kỳ	8,224	4,512	2,871	3,715	6,114

Hệ số tài chính	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Hệ số lợi nhuận					
Biên lợi nhuận gộp	10.3%	11.0%	12.0%	11.0%	11.0%
EBITDA	7.0%	18.4%	18.0%	16.7%	17.1%
Biên lợi nhuận ròng	7.3%	6.2%	7.5%	6.4%	5.0%
ROE	6.6%	7.0%	9.2%	8.3%	8.0%
ROA	3.9%	4.4%	5.5%	4.2%	3.7%

Hệ số tăng trưởng	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Tăng trưởng doanh thu	-17%	26.1%	20.1%	10.4%	26.9%
Tăng trưởng LNNT	-19%	7.4%	43.1%	-4.2%	1.1%
Tăng trưởng LNST	-24%	6.2%	46.9%	-6.7%	0.3%
Tăng trưởng EPS	-18%	4.8%	48.2%	-6.9%	0.3%

Hệ số thanh khoản	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Hệ số thanh toán hiện hành	1.69	0.93	0.86	1.00	1.18
Hệ số thanh toán nhanh	1.48	0.80	0.71	0.83	0.99
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.41	0.36	0.40	0.50	0.53
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.70	0.57	0.67	0.99	1.13
Hệ số đảm bảo chi phí lãi vay	4.36	6.70	11.68	10.35	3.75

Hệ số định giá	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Lợi suất cổ tức	0.0%	2.9%	2.9%	2.9%	2.9%
EPS (VND)	757	794	1,176	1,095	1,099
BVPS (VND)	13,291	13,565	14,442	15,251	16,078

Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khôi Nghiên cứu

Trưởng Phòng

Hoàng Công Tuấn Tuan.HoangCong@mbs.com.vn

Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô

Nguyễn Trọng Việt Hoàng Hoang.NguyenTrong@mbs.com.vn

Trái phiếu

Lê Minh Anh Anh.LeMinh@mbs.com.vn

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Năng lượng - Dầu khí

Chu Thế Huỳnh Huynh.ChuThe@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Trần Thái Bình Binh.TranThai@mbs.com.vn

Hàng tiêu dùng - Bán lẻ

Phạm Thùy Trang Trang.PhamThuy@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Đình Công Luyện Luyen.DinhCong@mbs.com.vn

Tài chính - Ngân hàng

Đỗ Lan Phương Phuong.DoLan@mbs.com.vn

Tài chính- Vật liệu xây dựng

Dương Thiện Chí Chi.DuongThien@mbs.com.vn

Vật liệu xây dựng

Hoàng Ngân Giang Giang.HoangNgan@mbs.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	>=15%
GỮ	Từ -15% đến +15%
BÁN	<= -15%

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 24 7304 5688 – Fax: +84 24 3726 2601 | Website: www.mbs.com.vn